



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **39** /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày **24** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số **39** /2025/QĐ-UBND ngày **24/10**/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.
4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc

phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 4. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất; tàu; thuyền; xuồng; xe ô tô; các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy) và các tài sản chuyển giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc các xã, phường (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất; tàu; thuyền; xuồng; xe ô tô; các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy) và các tài sản chuyển giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

b) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là các tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc các xã, phường (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này).

2. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

Các tài sản là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất; tàu; thuyền; xuồng; xe ô tô; các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy) trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

b) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này) thuộc trường hợp:

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc cơ quan, đơn vị ra quyết định tịch thu; tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng được giao quản lý.

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu thuộc lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc trường hợp tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền cấp xã ra quyết định tịch thu (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này).

3. Đối với các tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

Tài sản là nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất; tàu; thuyền; xuồng; xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy) trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

b) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (trừ tài sản do Phòng Thi hành án dân sự khu vực chuyển giao và tài sản quy định tại điểm a khoản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (nơi đang có tài sản bị bản án tuyên tịch thu sung công) quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Phòng Thi hành án dân sự khu vực chuyển giao (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

c) Tổ chức việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

d) Tổng hợp, báo cáo kê khai, thực hiện cập nhật thông tin, bảo đảm kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và triển khai thực hiện Quy định này thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

b) Báo cáo kê khai tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, thực hiện báo cáo tài sản gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc bất cập đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.